Mã số: 300
Ngày nhận: 27/08/2016
Ngày gửi phản biện lần 1: 13/9/2016
Ngày gửi phản biện lần 2: 20/9/2016
Ngày hoàn thành biên tập: 22/9/2016
Ngày duyệt đăng: 22/9/2016

HẬU QUẢ CỦA VIỆC HỦY BỎ HỢP ĐỒNG THEO BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

Võ Sỹ Mạnh[1]

Tóm tắt

Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung một cách cơ bản và toàn diện Bộ luật Dân sự năm 2005. Quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng đã được tách riêng thành một điều khoản riêng biệt và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với mục tiêu xây dựng Bộ luật Dân sự thực sự trở thành luật chung của hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự. Sau khi định nghĩa về hậu quả của hủy bỏ hợp đồng, bài viết đề cập đến một số hậu quả hủy bỏ hợp đồng cụ thể như hiệu lực của hợp đồng, nghĩa vụ hoàn trả và hậu quả liên quan đến quyền nhân thân.

Từ khóa: *Hủy bỏ hợp đồng, Hậu quả pháp lý.*

Abtract

There are the fundamental and comprehensive amendmend and supplement of Civil Code of 2015 in comparision with Civil Code of 2005. The provisions on consequence of avoiding the contract has been separated into a new article in Civil Code of 2015 in accordance with the purpose of upgrading Civil Code of 2015 to be a general law regulating the civil relations. After defining the consequence of the contract avoidance, this paper addresses some particular consequences of contract avoidance such as effectiveness of the contract, the obligation of restitution and the consequences in related to personal rights.

Keywords: *Avoidance of the contract, Legal consequence, effect*

Đặt vấn đề

Ngày 24/11/2015, Bộ luật Dân sự đã được thông qua tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII và có hiệu lực thi hành kể

[1] TS Trường Đại học Ngoại thương

từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. So với Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 có rất nhiều điểm mới – những sửa đổi, bổ sung cơ bản và toàn diện nội dung của Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc sửa đổi, bổ sung lần này là nhằm xây dựng Bộ luật Dân sự thực sự trở thành luật chung của hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội được hình thành trên nguyên tắc tự do, tự nguyện, bình đẳng và tự chịu trách nhiệm giữa các bên tham gia; ghi nhận và bảo vệ tốt hơn các quyền của cá nhân, pháp nhân trong giao lưu dân sự; góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định môi trường pháp lý cho sự phát triển kinh tế - xã hội sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành.[2]

Về bố cục, Bộ luật Dân sự năm 2005 có 7 phần với 777 Điều còn Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ còn 6 phần, 689 Điều. Về nội dung, có thể nói không có nội dung nào của Bộ luật Dân sự năm 2005 không có sự chỉnh sửa, bổ sung. Một trong những điểm mới quan trọng của Bộ luật Dân sự năm 2005 so với Bộ luật Dân sự năm 2015 là quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng. Trên cơ sở hệ thống hóa pháp luật Việt Nam điều chỉnh hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng, bài viết dưới đây đề cập mang tính gợi mở một số vấn đề liên quan đến quy định mới về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Điều chỉnh hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng trong Pháp luật Việt Nam

Khi hợp đồng được thiết lập hợp pháp thì có hiệu lực như pháp luật đối với các bên kể từ thời điểm giao kết, các bên phải tuân thủ hợp đồng mà không được tự ý sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng luôn tiềm ẩn những nguyên nhân chủ quan và khách quan khiến cho các nghĩa vụ hợp đồng không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng, đầy đủ như cam kết. Khi đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên trong quan hệ, pháp luật trao cho họ quyền được tuyên bố hủy bỏ hợp đồng.

Hợp đồng bị hủy bỏ là hợp đồng đã được giao kết nhưng bị coi là không còn hiệu lực thực hiện nữa.[3] Nói cách khác, sự hủy bỏ hợp đồng chỉ là một thể thức bồi thường bằng hiện vật các thiệt hại gây ra bởi không thi hành nghĩa vụ.[4] Hủy bỏ hợp đồng là triệt tiêu quá khứ cũng như tương lai của hợp đồng đã được giao kết hợp pháp

[2] Tờ trình số 390/TTr-CP ngày 12/10/2014 của Chính phủ về dự án Bộ luật Dân sự (sửa đổi).
[3] Trường Đại học Luật Hà Nội, Từ điển Giải thích từ ngữ luật học, Nxb CAND, tr.68.
[4] Nguyễn Mạnh Bách, Pháp luật về hợp đồng, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995, tr.55.

và lý do triệt tiêu hợp đồng ở đây không tồn tại vào thời điểm giao kết mà vào thời điểm thực hiện hợp đồng".[5]

Pháp luật thực định của các quốc gia trên thế giới[6], trong đó có Việt Nam[7] cũng như một số văn bản quốc tế như Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (tiếng Anh là United Nations Convention on Contract for International Sale of Goods – CISG)[8], Những nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế (tiếng Anh là Principles of International Commercial Contract -PICC)[9] hay Những nguyên tắc pháp luật hợp đồng Châu Âu (tiếng Anh là Principle of European Contract Law – PECL)[10] đều không quy định hủy bỏ hợp đồng là gì mà thay vào đó quy định điều kiện, căn cứ hủy bỏ hợp đồng; trình tự, thủ tục hủy bỏ hợp đồng và đáng chú ý là quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng.

"Hậu quả"[11], hiểu theo nghĩa thông thường, là kết quả không hay về sau.[12]Hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng là những kết quả không hay mà một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng phải gánh chịu khi hợp đồng bị hủy bỏ. Hợp đồng bị hủy bỏ có thể dẫn đến nhiều hậu quả khác nhau, trong đó đáng chú ý, có ý nghĩa quan trọng và tất yếu đối với các bên là hậu quả pháp lý. Nếu hợp đồng là khởi đầu của sự hủy bỏ thì hủy bỏ hợp đồng là khởi đầu của hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng. Hợp đồng bị hủy bỏ sẽ dẫn đến những tác động nhất định đến quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Chính vì thế, để bảo vệ quyền lợi cho các bên khi hợp đồng bị hủy bỏ, pháp luật cần có quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng.

Quy định về hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng trong pháp luật thực định của Việt Nam, có thể nói, lần đầu tiên được ghi nhận tại khoản d Điều 15 Nghị định số 54-CP ngày 10/3/1975 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế, theo đó *"khi có sự điều chỉnh, huỷ bỏ hợp đồng kinh tế, các bên ký*

[5] Đỗ Văn Đại, Luật Hợp đồng: bản án và bình luận bản án (tập 2), Nxb Chính trị Quốc gia, 2013, tr.556.
[6] Điều 1183 Bộ luật dân sự của Pháp quy định "Điều kiện hủy bỏ là điều kiện mà khi xảy ra thì nghĩa vụ bị hủy bỏ và các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu như chưa từng có cam kết. Điều kiện hủy bỏ không có hiệu lực hoãn lại việc thực hiện nghĩa vụ, mà chỉ buộc người có quyền phải hoàn trả những gì đã nhận trong trường hợp sự kiện quy định trong điều xảy ra".
[7] Điều 423, 424, 425, 426 Bộ luật dân sự năm 2015.
[8] Công ước Viên quy định riêng biệt điều kiện tuyên bố hủy hợp đồng đối với người bán và người mua. Quyền tuyên bố hủy hợp đồng của người bán theo Công ước Viên được quy định tại Điều 49 (người bán có quyền yêu cầu tuyên bố hủy hợp đồng khi…), của người mua được quy định tại Điều 64 (người mua có quyền yêu cầu tuyên bố hủy hợp đồng khi…). Việt Nam đã gia nhập Công ước Viên và Công ước này chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam kể từ ngày 1/1/2017.
[9] Điều 7.3.1 PICC.
[10] Điều 9:305 đến Điều 9:309 PECL.
[11] Trong tiếng Anh, từ "effect" thường được sử dụng để chỉ hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng.
[12] Viện ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, 2006, tr.431.

kết phải cùng nhau bàn bạc để kịp thời giải quyết những hậu quả do việc điều chỉnh hay huỷ bỏ ấy gây ra".

Pháp lệnh đầu tiên điều chỉnh hợp đồng dân sự được ban hành vào năm 1991 đã quy định rõ ràng hơn về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng dân sự. Điều 28 Pháp lệnh Hợp đồng Dân sự năm 1991 quy định *"khi hợp đồng bị hủy bỏ thì các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận. Nếu không hoàn trả được bằng hiện vật, thì hoàn trả bằng tiền. Bên bị thiệt hại có quyền yêu cầu bên kia bồi thường thiệt hại"*. Tuy nhiên, với quan điểm có sự tách biệt giữa hợp đồng dân sự và hợp đồng kinh tế, pháp luật Việt Nam tiếp tục ghi nhận quy định về hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng kinh tế tại Điều 19 Nghị định số 17-HĐBT ngày 16/1/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế:

Điều 19 quy định: *"...Hậu quả pháp lý do thay đổi, huỷ bỏ, đình chỉ thực hiện hợp đồng kinh tế bao gồm:*

- Phí tổn đã thực hiện công việc của hợp đồng kinh tế mà bên thực hiện không thu hồi lại được (bao gồm cả phí tổn vận chuyển, bảo quản);

- Phí tổn về nguyên vật liệu chuẩn bị cho việc thực hiện công việc của hợp đồng kinh tế sau khi tận dụng, thanh lý chưa bù đắp đủ giá trị ban đầu của nó;

- Tiền phạt hợp đồng và tiền bồi thường thiệt hại đã phải trả do thay đổi, huỷ bỏ hoặc đình chỉ thực hiện hợp đồng kinh tế"

Khắc phục những bất cập, hạn chế của Pháp lệnh Hợp đồng Dân sự và Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế, Bộ luật Dân sự năm 1995 và Luật Thương mại năm 1997 đã ra đời. Hai đạo luật này cũng có quy định riêng biệt nhau về hậu quả của việc hủy hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại.

Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định:

"3- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật, thì phải trả bằng tiền.

4- Bên có lỗi trong việc hợp đồng bị huỷ bỏ phải bồi thường thiệt hại"

Điều 237 Luật Thương mại năm 1997 quy định:

"1- Sau khi huỷ hợp đồng, các bên không phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ đã thoả thuận trong hợp đồng.

2- Mỗi bên có quyền đòi lại lợi ích do việc đã thực hiện phần nghĩa vụ thoả thuận trong hợp đồng; nếu các bên đều có nghĩa vụ bồi hoàn thì nghĩa vụ của họ phải được thực hiện đồng thời.

3- Bên bị thiệt hại có quyền đòi bên kia bồi thường".

Sau khoảng 10 năm thi hành, Bộ luật Dân sự năm 1995 cũng như Luật Thương mại năm 1997 đã bộc lộ những bất cập, hạn chế đặc biệt là nhiều quy định không còn phù hợp trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng (Việt Nam tích cực đàm phán, chuẩn bị tham gia Tổ chức Thương mại thế giới sau nhiều năm làm quan sát viên), trước yêu cầu, đòi hỏi của sự hài hòa hóa pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế. Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Thương mại năm 2005 được ban hành với nhiều điểm mới, tiến bộ hơn so với Bộ luật Dân sự năm 1995, Luật Thương mại năm 1997. Tuy nhiên, tiếc rằng quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng, về cơ bản, không có thay đổi so với quy định trước đó và vẫn theo hướng chia hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại điều chỉnh bởi hai đạo luật riêng rẽ. Bộ luật Dân sự năm 2005 giữ nguyên quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng như đã quy định trong Bộ luật Dân sự năm 1995[13]. Luật Thương mại năm 2005 cũng có một số sửa đổi, bổ sung quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng thương mại so với Luật Thương mại năm 1997.

Điều 314 Luật Thương mại năm 2005 quy định:

"1. ***Trừ trường hợp quy định tại Điều 313 của Luật này***[14], sau khi huỷ bỏ hợp đồng, ***hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết***, các bên không phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ đã thoả thuận trong hợp đồng, ***trừ thỏa thuận về các quyền và nghĩa vụ sau khi huỷ bỏ hợp đồng và về giải quyết tranh chấp.***

2. ***Các bên*** có quyền đòi lại lợi ích do việc đã thực hiện phần nghĩa vụ ***của mình theo hợp đồng***; *nếu các bên đều có nghĩa vụ* ***hoàn trả*** *thì nghĩa vụ của họ phải được thực hiện đồng thời*; ***trường hợp không thể hoàn trả bằng chính lợi ích đã nhận thì bên có nghĩa vụ phải hoàn trả bằng tiền.***

3. ***Bên bị vi phạm*** có quyền ***yêu cầu*** bồi thường ***thiệt hại theo quy định của Luật này***."

[13] Khoản 3, 4 Điều 425 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "3. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền.4. Bên có lỗi trong việc hợp đồng bị hủy bỏ phải bồi thường thiệt hại".

[14] Phần in đậm, nghiêng thể hiện sự thay đổi so với Luật thương mại năm 1997.

Tiếp tục chu kỳ 10 năm, mục tiêu sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự năm 2005 là nhằm xây dựng Bộ luật Dân sự thực sự trở thành luật chung của hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội được hình thành trên nguyên tắc tự do, tự nguyện, bình đẳng và tự chịu trách nhiệm giữa các bên tham gia; ghi nhận và bảo vệ tốt hơn các quyền của cá nhân, pháp nhân trong giao lưu dân sự; góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định môi trường pháp lý cho sự phát triển kinh tế - xã hội sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành. Bộ luật Dân sự năm 2015 được thông qua ngày 24/11/2015 tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 với những sửa đổi cơ bản quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2005.

2. Một số điểm mới trong quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng theo Bộ luật Dân sự năm 2015

Với tinh thần "bổ sung để phù hợp thực tiễn hợp đồng; công bằng, hợp lý với các bên, tránh việc lạm dụng hủy bỏ hợp đồng để bên không thiện chí trục lợi; thống nhất trong áp dụng pháp luật; đồng bộ với pháp luật có liên quan; phù hợp với thông lệ quốc tế"[15], quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng theo Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có những thay đổi đáng kể so với Bộ luật Dân sự năm 2005[16]. So với quy định

[15] Bản so sánh Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa 13 tại kỳ họp thứ 8.

[16] Điều 450 Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa 13 tại kỳ họp thứ 8 quy định: *"(1). Khi hợp đồng bị huỷ bỏ thì các bên tham gia được miễn trừ khỏi các nghĩa vụ trong hợp đồng, trừ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. (2). Khi hợp đồng bị huỷ bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận; nếu không hoàn trả được thì hợp đồng chấm dứt tại thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt, các bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ. Bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán. Nếu không hoàn trả được nghĩa vụ bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền. Khi cả hai bên đều có nghĩa vụ hoàn trả thì các nghĩa vụ này phải được thực hiện trong cùng một thời điểm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. (3). Bên tham gia hợp đồng có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền do hợp đồng bị huỷ phải hoàn trả thêm lợi nhuận của số tiền đó tính từ ngày bên đó nhận được tiền. Trường hợp phải hoàn trả lại vật đã nhận thì phải hoàn trả lại cả những nguồn lợi phát sinh từ vật đó. (4). Việc huỷ bỏ hợp đồng không được gây ảnh hưởng đến lợi ích của người thứ ba"*. Điều 444 Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa 13 tại Kỳ họp thứ 9 quy định: *"(1). Hợp đồng bị hủy bỏ không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên tham gia được miễn trừ các nghĩa vụ trong hợp đồng, trừ nghĩa vụ phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, nếu có. (2). Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng sau khi trừ đi các chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí làm phát sinh, bảo quản hoặc phát triển tài sản, hoa lợi, lợi tức. Việc hoàn trả được thực hiện bằng hiện vật. Trường hợp không hoàn trả được bằng hiện vật thì được trị giá thành tiền để hoàn trả. Trường hợp bên có nghĩa vụ hoàn trả tiền, chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 372 của Bộ luật này đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm bên có quyền nhận được tiền. Trường hợp các bên cùng có nghĩa vụ hoàn trả thì việc hoàn trả phải được thực hiện trong cùng một thời điểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác. (3). Bên bị thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên kia được bồi thường. (4). Việc giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng liên quan đến các quyền nhân thân do luật có liên quan quy định. (5). Trường hợp hủy bỏ hợp đồng mà gây thiệt hại cho người thứ ba thì người thứ ba có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc luật có quy định khác"*. Điều 426 Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa 13 tại Kỳ họp thứ 10 quy định *"(1). Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì không có hiệu lực từ thời điểm*

về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 có một số điểm mới cơ bản sau:

2.1. Về vị trí của quy định

Bộ luật Dân sự năm 2015 đã tách quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng thành 1 điều khoản riêng biệt (Điều 427) thay vì đặt quy định này trong cùng điều khoản về hủy bỏ hợp đồng như Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều này, theo đánh giá của tác giả, (1) thể hiện các nhà soạn thảo Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có sự đánh giá tầm quan trọng của việc giải quyết hậu quả khi hợp đồng bị hủy bỏ và (2) tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan áp dụng pháp luật khi xem xét, giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng.

Nghiên cứu so sánh cho thấy, việc tách quy định này thành điều khoản riêng cũng là cách thức mà pháp luật của một số quốc gia sử dụng như Bộ luật Dân sự của Hà Lan (Điều 6:271 đến Điều 6:278)[17], Bộ luận Dân sự của Cộng Hòa Séc (Điều 2004, 2005)[18], Bộ luật Dân sự của Philippines (Chương 6)[19], Bộ luật Dân sự của Nhật Bản (Điều 545)[20], Bộ luật Dân sự của Liên Bang Nga (Điều 453)[21]… Một số văn bản quốc tế cũng xử lý quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng theo hướng tách riêng thành một hoặc một số điều luật, ví dụ: Điều 7.3.5 và Điều 7.3.6 PICC, Điều 9:305 đến Điều 9:309 PECL, Điều 81 đến Điều 84 Công ước Viên.

Tuy nhiên, xét trong toàn hệ thống pháp luật Việt Nam thì tồn tại hai quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng, một quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và một quy định trong Luật Thương mại năm 2005, cụ thể:

Bộ luật Dân sự năm 2015	**Luật Thương mại năm 2005**

giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã giao kết, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp. (2). Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ đi các chi phí hợp lý trong việc thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản. Việc hoàn trả được thực hiện bằng hiện vật. Trường hợp không hoàn trả được bằng hiện vật thì được trị giá thành tiền để hoàn trả. Trường hợp các bên cùng có nghĩa vụ hoàn trả thì việc hoàn trả phải được thực hiện cùng một thời điểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác. (3). Bên bị thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên kia được bồi thường. (4). Việc giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng dịch vụ liên quan đến các quyền nhân thân do Bộ luật này và luật có liên quan quy định. (5). Trường hợp việc hủy bỏ hợp đồng không có căn cứ quy định tại các điều 422, 423, 424 và 425 của Bộ luật này thì bên hủy bỏ hợp đồng được xác định là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự theo quy định của Bộ luật này, luật có liên quan do không thực hiện đúng nghĩa vụ".

[17] Xem chi tiết tại http://www.dutchcivillaw.com/civilcodebook066.htm, truy cập ngày 2/6/2016.

[18] Xem chi tiết tại (http://www.leginfo.ca.gov/.html/civ_table_of_contents.html), truy cập ngày 2/6/2016.

[19] Xem chi tiết tại http://www.chanrobles.com/civilcodeofthephilippinesfulltext.html, truy cập ngày 2/6/2016

[20] Xem chi tiết tại http://www.japaneselawtranslation.go.jp/law/detail/?yo=%E6%B0%91%E6%B3%95&ft=2&ky=&page=3&re=02, truy cập ngày 2/6/2016.

[21] Xem chi tiết tại http://www.russian-civil-code.com/ , truy cập ngày 2/6/2016.

(Điều 427)	(Điều 314)
1. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, ***trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận*** về giải quyết tranh chấp. 2. Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận ***sau khi trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản.*** Việc hoàn trả được thực hiện bằng hiện vật. Trường hợp không hoàn trả được bằng ***hiện vật*** thì được trị giá thành tiền để hoàn trả. Trường hợp các bên cùng có nghĩa vụ hoàn trả thì việc hoàn trả phải được thực hiện cùng một thời điểm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. 3. Bên bị thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên kia được bồi thường. ***4. Việc giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng liên quan đến quyền nhân thân do Bộ luật này và luật khác có liên quan quy định.*** ***5. Trường hợp việc hủy bỏ hợp đồng không có căn cứ quy định tại các điều 423, 424, 425 và 426 của Bộ luật này thì bên hủy bỏ hợp đồng được xác định là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự do không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan.***	1. …. sau khi huỷ bỏ hợp đồng, hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải ***tiếp tục*** thực hiện các nghĩa vụ đã thoả thuận ***trong hợp đồng***, ***trừ thỏa thuận về các quyền và nghĩa vụ sau khi huỷ bỏ hợp đồng*** và về giải quyết tranh chấp. 2. Các bên có ***quyền đòi lại lợi ích do việc đã thực hiện phần nghĩa vụ của mình theo hợp đồng;*** nếu các bên đều có nghĩa vụ hoàn trả thì nghĩa vụ của họ phải được thực hiện đồng thời; trường hợp không thể hoàn trả bằng chính ***lợi ích đã nhận*** thì bên có nghĩa vụ phải hoàn trả bằng tiền. 3. Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này.

Khoản 3 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 quy định "hoạt động thương mại không được quy định trong Luật Thương mại và trong các luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự" và "Bộ luật Dân sự là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự"[22], theo đó quan hệ dân sự là quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm[23]. Như vậy, với những quy định của Bộ luật Dân sự có phạm vi điều chỉnh rộng hơn quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng trong Luật Thương mại, thiết nghĩ, sẽ không trở ngại. Tuy nhiên, ngoài thỏa thuận về giải quyết tranh chấp sau khi hợp đồng bị hủy bỏ, quy định các bên vẫn phải thực hiện các thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ sau khi hủy bỏ hợp đồng đang "rộng hơn" quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 bởi Bộ luật Dân sự này chỉ giới hạn phạm vi các bên phải thực hiện là thỏa thuận về "phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại". Sự

[22] Khoản 1 Điều 4 Bộ luật dấn sự năm 2015.
[23] Điều 1 Bộ luật dân sự năm 2015.

không tương thích của Luật Thương mại năm 2005 với Bộ luật Dân sự năm 2015 cần sớm được loại bỏ để đảm bảo tính chất luật chung của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, quy định về vi phạm hợp đồng trong Luật Thương mại năm 2005 cũng không có sự tương thích với Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 12 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 quy định "vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của luật này". Trong khi đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ". Như vậy, khi một bên hủy bỏ hợp đồng không có căn cứ quy định tại Điều 312 Luật Thương mại năm 2005thì được xác định là vi phạm nghĩa vụ hay vi phạm hợp đồng? Điều này dễ dẫn tới việc áp dụng không thống nhất khi hoạt động thương mại vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại và Luật Thương mại có quy định nhưng lại áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về một số hậu quả cụ thể của việc hủy bỏ hợp đồng

Bộ luật Dân sự năm 2015 chia hậu quả của việc hủy hợp đồng thành 2 dạng hậu quả tương ứng với việc hủy bỏ hợp đồng có căn cứ hay không có căn cứ.

2.2.1. Hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng không có căn cứ

Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng khi (1) bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận; (2) bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng; (3) không thực hiện đúng nghĩa vụ mà bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trong một thời hạn hợp lý; (4) một bên không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình làm cho mục đích của bên có quyền không thể đạt được; (5) một bên làm mất, làm hư hỏng tài sản là đối tượng của hợp đồng mà không thể hoàn trả, đền bù bằng tài sản khác hoặc không thể sửa chữa, thay thế bằng tài sản cùng loại.[24] Tuy nhiên, nếu một trong các bên tuyên bố hủy bỏ hợp đồng mà không dựa vào các quy định đó thì xem như là vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự do không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự và luật khác có liên quan[25]. Có thể hiểu được rằng, xuất phát từ ý niệm hợp đồng được tạo lập không phải

[24] Điều 423, 424, 425, 426 Bộ luật dân sự năm 2015.

[25] Khoản 5 Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Trường hợp việc hủy bỏ hợp đồng không có căn cứ quy định tại các điều 423, 424, 425, 426 của Bộ luật này thì bên hủy bỏ hợp đồng được xác định là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự do không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan".

để bị hủy bỏ, nhà làm luật muốn dự phòng để ngăn chặn những trường hợp hủy bỏ hợp đồng một cách tùy tiện và khi đó hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng sai trái mà bên bị hủy bỏ phải gánh chịu có thể rất đáng kể, ảnh hưởng đến lợi ích của bên bị hủy bỏ hợp đồng.

Tuy nhiên, quy định "Trường hợp việc hủy bỏ hợp đồng không có căn cứ..." tại khoản 5 Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa thực sự thuyết phục và dễ phát sinh bất cập trong thực thi bởi lẽ trong trường hợp một bên có đủ căn cứ để tuyên bố hủy bỏ hợp đồng nhưng không đảm bảo quy định "thông báo ngay cho bên kia về việc hủy bỏ" thì liệu có thể xem là hủy bỏ không có căn cứ hay không? Trong khi đó, thông báo về việc hủy bỏ hợp đồng đối với bên kia chỉ đơn giản là trình tự, thủ tục của việc thực hiện quyền hủy bỏ hợp đồng của một bên khi hành vi của bên kia thỏa mãn yêu cầu luật định. Vì vậy, người viết cho rằng, khoản 5 Điều 427 nên sửa cụm từ "không có căn cứ" thành "không đúng".

2.2.2. Hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng có căn cứ

Khi việc hủy bỏ hợp đồng có giá trị pháp lý, tức là thỏa mãn các điều kiện, yêu cầu luật định thì làm phát sinh hậu quả pháp lý đối với các bên, cụ thể:

Thứ nhất, hợp đồng không có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết

Hợp đồng không có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết chính là hậu quả trước hết khi hợp đồng bị hủy bỏ, tức là hủy bỏ hợp đồng có giá trị hồi tố. Hậu quả này của hợp đồng bị hủy bỏ cũng tương tự hậu quả hợp đồng vô hiệu. Khi đó, Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định các bên không phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng đã thỏa thuận trong hợp đồng bị hủy bỏ. Tuy nhiên, nếu chỉ với hậu quả như vậy thì không đảm bảo sự cân bằng của các bên sau hợp đồng. Không những thế, sự tồn tại của quy định như vậy còn không đảm bảo sự tương thích với quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng của Luật Thương mại năm 2005[26]. Khắc phục hạn chế này và cũng là một trong những điểm sáng của Bộ luật Dân sự năm 2015 khi quy định loại trừ một số nghĩa vụ vẫn phải thực hiện như nghĩa vụ phát sinh từ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp.

[26] Khoản 1 Điều 314 quy định "Trừ trường hợp quy định tại Điều 313 của Luật này, sau khi huỷ bỏ hợp đồng, hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ đã thoả thuận trong hợp đồng, trừ thỏa thuận về các quyền và nghĩa vụ sau khi huỷ bỏ hợp đồng và về giải quyết tranh chấp".

Quy định nói trên của Bộ luật Dân sự năm 2015 là một trong những điểm mới, tiến bộ hơn so với Bộ luật Dân sự năm 2005, nhưng so sánh với pháp luật một số quốc gia hay một số văn bản quốc tế cho thấy phạm vi thỏa thuận còn hiệu lực như là hệ quả của việc hợp đồng bị hủy bỏ quy định tại khoản 1 Điều 427 mang tính "đóng", thiếu sự linh hoạt, chưa có giải pháp khi hợp đồng bị hủy bỏ đối với bên thứ ba.

Chẳng hạn, Điều 6:721 Bộ luật Dân sự Hà Lan quy định "hủy bỏ hợp đồng miễn trừ các bên khỏi nghĩa vụ hợp đồng. Cơ sở pháp lý cho việc thực hiện nghĩa vụ vẫn còn hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ đã được thực hiện nhưng các bên có nghĩa vụ hủy bỏ những gì đã nhận bởi hiệu lực của hợp đồng bị hủy bỏ.[27] Hay hủy hợp đồng "không ảnh hưởng đến quyền của bên thứ ba có thiện chí"… Nếu nợ có bảo đảm thì khoản nợ đó không rút khỏi hợp đồng hoặc việc bảo đảm"[28], "chấm dứt quyền và nghĩa vụ hợp đồng không ảnh hưởng tới giá trị của các điều khoản liên quan đến thanh quyết toán"[29]. Các dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) trước tại Kỳ họp thứ 8, 9 cũng tồn tại quy định tương tự nhưng tiếc rằng những quy định đó đã không được thông qua trong Bộ luật Dân sự năm 2015.[30]

Công ước Viên năm bên cạnh quy định việc hủy hợp đồng giải phóng các bên khỏi thực hiện nghĩa vụ hợp đồng trừ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, thỏa thuận về giải quyết tranh, Công ước còn quy định các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát

[27]Article 6:271 Legal effects of a rescission: "A rescission releases parties of the obligations affected by it [all obligations created by the rescinded mutual agreement]. As far as these obligations have been performed already, the legal basis for performance remains effective, but the law imposes an obligation on parties to undo the performances they already have received by virtue of the rescinded agreement".

[28] Điều 2005 Bộ luật dân sự CH Séc "1) withdrawal from the expiry of its effects in the range of rights and obligations of the parties. This does not affect the rights of third parties acquired in good faith; 2) …The withdrawal does not affect the right to payment of penalty or default interest, if not already reached, the right to damages resulting from breach of contractual obligations or arrangement that is their nature to bind the parties even after the withdrawal, in particular the arrangements on how to resolve disputes. *If the debt was secured, it does not withdraw from the contract or security*". Điều 1384 Bộ luật dân sự Phillipines quy định "Hủy hợp đồng sẽ không diễn ra khi những gì – đối tượng hợp đồng thuộc sở hữu hợp pháp của bên thứ ba có thiện chí" (nguyên bản tiếng Anh: "Neither shall rescission take place when the things which are the object of the contract are legally in the possession of third persons who did not act in bad faith").

[29] Điều 98 Luật hợp đồng Trung Quốc quy định: "The termination of rights and obligations under a contact shall not affect the validity of clauses that related to the final settlement of accounts and winding-up".

[30] Quy định tại khoản 4 Điều 450 Dự thảo Bộ luật dân sự tại Kỳ họp thứ 8 "Việc huỷ bỏ hợp đồng không được gây ảnh hưởng đến lợi ích của người thứ ba" đã không "có cơ hội" xuất hiện trong Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng tình với quy định như khoản 4 Điều 450, Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam đã góp ý làm rõ thêm quy định này như sau: *"Trong trường hợp hợp đồng bị hủy bỏ nhưng tài sản đã được giao dịch cho người thứ ba thì giao dịch với người thứ ba vẫn không bị hủy bỏ, trừ trường hợp sau đây: 1. Người thứ ba không ngay tình; 2. Giao dịch của người thứ ba là giao dịch không có đền bù"*. Báo cáo tổng hợp chi tiết ý kiến nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp "Cân nhắc kế thừa Luật thương mại (Điều 314) về vấn đề này theo hướng: "*Hủy bỏ hợp đồng không ảnh hưởng đến các thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ sau khi huỷ bỏ hợp đồng và về giải quyết tranh chấp"*

sinh từ việc hủy hợp đồng.[31] Tương tự, Điều 7.3.5 PICC quy định "2) Chấm dứt hợp đồng không loại trừ quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại cho việc không thực hiện; 3) Chấm dứt hợp đồng không ảnh hưởng tới các điều khoản hợp đồng về giải quyết tranh chấp hay tới mọi điều khoản khác có hiệu lực kể cả trong trường hợp huỷ hợp đồng"[32] hay khoản 2 Điều 9:305 PECL quy định "chấm dứt hợp đồng không ảnh hưởng đến bất kỳ quy định hợp đồng nào để giải quyết tranh chấp hoặc bất kỳ quy định nào khác để thực hiện sau khi hợp đồng bị chấm dứt.[33]

Comment [A1]: Xem lại giúp em câu này nhé Có phải ý của câu này là "Bên cạnh quy định việc hủy hợp đồng giải phóng các bên khỏi thực hiện nghĩa vụ hợp đồng trừ nghĩa vụ bồi thường thiệt h thỏa thuận về giải quyết tranh, Công ước Viên cò quy định các bên phải thực hiện các quyền và ngh vụ phát sinh từ việc hủy hợp đồng"?

Thứ hai, hủy bỏ hợp đồng làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả những gì các bên đã nhận từ nhau

Bên cạnh quy định các bên phải hoàn trả cho nhau bằng hiện vật hoặc trị giá thành tiền những gì đã nhận tương tự Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 cho phép các bên trước khi hoàn trả những gì đã nhận được trừ đi chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản.[34] Từ quy định mới này của Bộ luật dân sự năm 2015, có thể thấy một số vấn đề sau:

(1) Nghĩa vụ hoàn trả khi hợp đồng bị hủy bỏ là nghĩa vụ có điều kiện

Bộ luật chưa quy định hoàn trả những gì đã nhận như là điều kiện hủy bỏ hợp đồng mà thay vào đó quy định hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng là hoàn trả những gì đã nhận. Điều này, vô hình chung, dẫn tới tình huống khi hợp đồng bị hủy bỏ nhưng các bên không thể hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Khi đó, sự cân bằng của các bên khó có thể được đảm bảo bởi sự hủy bỏ hợp đồng.

Giải pháp cho vấn đề này, pháp luật nhiều quốc gia trên thế giới đều quy định để hủy bỏ hợp đồng hay để yêu cầu hủy bỏ hợp đồng được chấp nhận thì bên yêu cầu cần đảm bảo việc hoàn trả những gì đã nhận của bên kia khi hợp đồng bị hủy. Trái lại, họ sẽ bị mất quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng. Ví dụ, hủy bỏ hợp đồng làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả những gì là đối tượng của hợp đồng cùng với lợi tức của nó và giá

[31] Điều 81 Công ước Viên.
[32] Nguyên bản tiếng Anh "Termination does not preclude a claim for damages for non-performance; 3) Termination does not affect any provision in the contract for the settlement of disputes or any other term of the contract which is to operate even after termination".
[33] Khoản 2 Điều 9:305 PECL (nguyên bản tiếng Anh: "Termination does not affect any provision of the contract for the settlement of disputes or any other provision which is to operate even after termination"). Cũng lưu ý them rằng, PECL không sử dụng thuật ngữ "Rescission" như pháp luật một số quốc gia mà thay vào đó là thuật ngữ "Termination" với ý nghĩa là hủy.
[34] Khoản 2 Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015. Quy định này cũng có nét tương đồng với quy định tại khoản 1 Điều 7.3.7 PICC, đó là "…nếu hợp đồng đã được thực hiện trong một khoảng thời gian thì việc hoàn trả chỉ có thể thực hiện cho giai đoạn sau khi chấm dứt hợp đồng có hiệu lực, miễn là hợp đồng có thể phân chia được" (tiếng Anh: On termination of a contract to be performed over a period of time restitution can only be claimed for the period after termination has taken effect, provided the contract is divisible).

kèm lãi suất; do đó, nó chỉ có thể thực hiện khi bên muốn hủy hợp đồng có thể hoàn trả bất kỳ những gì anh ta có thể có nghĩa vụ hoàn trả.[35]

Công ước Viên quy định người mua mất quyền tuyên bố hủy hợp đồng nếu họ không thể hoàn lại hàng hóa trong tình trạng về cơ bản là giống như tình trạng hàng hoá khi họ nhận được, trừ khi việc không thể hoàn lại hàng hóa hoặc không thể hoàn lại hàng hóa trong tình trạng về cơ bản giống như tình trạng hàng hoá khi người mua nhận được không phải là do hành động hay sơ suất của người mua; hoặc nếu hàng hóa hay một phần hàng hóa không thể sử dụng được hoặc bị hư hỏng theo kết quả kiểm tra; hoặc nếu người mua đã bán trong điều kiện kinh doanh thông thường hay đã tiêu dùng hoặc biến đổi toàn bộ hay một phần hàng hóa theo cách sử dụng thông thường trước khi phát hiện ra hoặc phải phát hiện ra sự không phù hợp của hàng hoá.[36]

(2) Lãi suất trên khoản tiền đã nhận

Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015 vẫn giữ nguyên quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về nghĩa vụ hoàn trả bằng hiện vật, nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì được trị giá thành tiền để hoàn trả. Tuy nhiên, Bộ luật không quy định rõ việc hoàn trả có bao gồm những hoa lợi, lợi tức mà bên kia nhận được từ việc thực hiện hợp đồng bị hủy bỏ, đặc biệt khi đối tượng phải hoàn lại là một khoản tiền thì vấn đề lãi suất sẽ được giải quyết như thế nào?[37]

Thực tiễn giải quyết tranh chấp trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 ra đời, tòa án cũng đã có những hướng xử lý không giống nhau liên quan chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng của một bên kèm theo yêu cầu về lãi suất mà bên kia phải thanh toán khi hợp đồng bị hủy. Ví dụ, Bản án số 119/2010/DS-ST ngày: 30/12/2010 của Tòa án Nhân dân quận Bình Thạnh, Tp.HCM về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản: *Ngày 07/11/2009, ông Trần Phước Tân (Nguyên đơn) có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Tiến, bà Trần Hoa Hiền (Bị đơn) vay số tiền là 500.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng và hai bên có làm giấy nợ. Số tiền nợ này ông*

[35] Điều 1385 Bộ luật dân sự Phillipines "Rescission creates the obligation to return the things which were the object of the contract, together with their fruits, and the price with its interest; consequently, it can be carried out only when he who demands rescission can return whatever he may be obliged to restore".

[36] Điều 82 Công ước Viên.

[37] Tiếc rằng quy định tại khoản 3 Điều 450 Dự thảo Bộ luật dân sự tại Kỳ họp thứ 8 "Bên tham gia hợp đồng có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền do hợp đồng bị huỷ phải hoàn trả thêm lợi nhuận của số tiền đó tính từ ngày bên đó nhận được tiền. Trường hợp phải hoàn trả lại vật đã nhận thì phải hoàn trả lại cả những nguồn lợi phát sinh từ vật đó" đã không xuất hiện trong Bộ luật dân sự năm 2015. Tiếp đó, khoản 2 Điều 444 Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) chỉnh sửa sau khi lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân quy định "2. Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, *hoa lợi, lợi tức phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng* sau khi trừ đi các chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí làm phát sinh, bảo quản hoặc phát triển tài sản, hoa lợi, lợi tức."

Tiến, bà Hiền không thực hiện trả vốn và lãi. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Tiến, bà Hiền phải trả cho ông Tân số tiền vốn là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo Ngân hàng là 3%/tháng tính từ ngày 07/11/2009 đến ngày 07/12/2010 là 13 tháng thành tiền là 65.000.000 đồng… Quan điểm của Hội đồng xét xử là "*…xét yêu cầu của ông Tiến do ông Châu đại diện theo ủy quyền yêu cầu vợ chồng ông Tiến, bà Hiền phải trả ngay số tiền vốn và lãi là 565.000.000 đồng là phù hợp, Tòa ghi nhận tiền lãi 1% tính từ ngày 07/11/2009 đến ngày 30/12/2010 là 13 tháng 23 ngày thành tiền là 68.833.000 đồng. Nhưng phía ông Tân chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 07/11/2009 đến ngày 07/12/2010 là 13 tháng thành tiền là 65.000.000 đồng.* Từ đó, Tòa tuyên xử *"huỷ hợp đồng vay tiền làm ngày 07/11/2009 giữa ông Tân và ông Tiến, bà Hiền. Buộc vợ chồng ông Tiến, bà Hiền phải trả cho ông Trần Phước Tân số tiền là 565.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, Bản án số 214/2015/DS-ST ngày 11/02/2015 về tranh chấp hợp đồng mua bán nhà thì tòa án chỉ chấp nhận việc trả lại tiền sau khi hợp đồng bị hủy mà không xem xét đến yếu tố lãi suất. "*Hội đồng xét xử nhận thấy theo trình bày của nguyên đơn ông Phạm Thanh Liêm (Nguyên đơn) và lời xác nhận của bị đơn bà Tăng Tú Loan (Bị đơn) trong biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2014 có cơ sở xác định giữa ông Liêm, bà Loan có xác lập hợp đồng mua bán căn hộ số 404 lô D chung cư CG, phường CG, Quận X, Thành phố HCM theo Hợp đồng mua bán nhà đề ngày 09/8/2007. Về yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà và yêu cầu bà Loan trả lại số tiền 336.000.000 đồng đã nhận, Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình các bên thực hiện hợp đồng, phía ông Liêm đã hoàn thành nghĩa vụ giao tiền mua nhà 336.000.000 đồng, bà Loan không thực hiện nghĩa vụ giao nhà, như vậy, lỗi không thực hiện được hợp đồng thuộc bà Loan"*. Tòa án phán quyết *"hủy Hợp đồng mua bán nhà ngày 08/7/2007 giữa ông Liêm và bà Loan. Bà Loan có trách nhiệm trả cho ông Liêm số tiền 336.000.000 đồng…*".

Ở Bản án số 119/2010/DS-ST, tòa án chấp nhận yêu cầu lãi suất của nguyên đơn khi đồng thời chấp nhận yêu cầu hủy bỏ hợp đồng. Tuy nhiên, tòa án không đề cập rõ lãi suất có phải là khoản thiệt hại mà bên bị hủy bỏ hợp đồng đáng được hưởng do bên kia vi phạm hợp đồng hay không? Tòa án đã "quyết" nội dung mà thực sự Bộ luật Dân sự năm 2005 chưa có quy định và tiếc là Bộ luật Dân sự năm 2015 vẫn chưa xử lý thỏa đáng vấn đề này.

Như vậy, phải chăng việc trả lãi suất trên số tiền trả lại khi hợp đồng bị hủy chỉ có thể được chấp nhận khi bên nhận lại số tiền trả lại đó yêu cầu. Tòa án sẽ không tự ý

xem xét và xác định lãi suất đó. Cách giải quyết như vậy thì dường như chưa thực sự thuyết phục và đảm bảo tinh thần "công bằng, hợp lý với các bên, tránh việc lạm dụng hủy bỏ hợp đồng để bên không thiện chí trục lợi"[38] khi sửa đổi điều khoản về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng.

Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới cũng có cách xử lý vấn đề lãi suất khi một bên có nghĩa vụ hoàn trả tiền thanh toán đã nhận từ bên kia. Bộ luật Dân sự của Nhật Bản quy định "nếu bất kỳ khoản tiền nào được hoàn trả thì lãi suất phải cộng dồn từ thời điểm nhận khoản tiền đó"[39]. Hủy bỏ hợp đồng làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả những gì là đối tượng của hợp đồng cùng với lợi tức của nó và giá kèm lãi suất; do đó, nó chỉ có thể thực hiện khi bên muốn hủy hợp đồng có thể hoàn trả bất kỳ những gì anh ta có thể có nghĩa vụ hoàn trả. Ở phạm vi quốc tế, Công ước Viên quy định "nếu người bán bị buộc phải hoàn lại tiền hàng thì phải trả cả tiền lãi của số tiền đó kể từ ngày người mua thanh toán".[40]

Thứ ba, hậu quả liên quan đến quyền nhân thân khi hợp đồng bị hủy bỏ

Hợp đồng bị hủy bỏ có thể có những tác động, ảnh hưởng nhất định đến quyền nhân thân của các bên có liên quan như quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, uy tín; quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình…. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự năm 2005 đã không có quy định điều chỉnh hay giải pháp cụ thể xử lý trường hợp này. Khắc phục hạn chế đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "việc giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng liên quan đến quyền nhân thân do Bộ luật Dân sự hoặc luật khác có liên quan quy định". Đây có thể nói là quy định khá mới của Bộ luật Dân sự năm 2015 trong hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam, cũng là khá khác so với quy định trong Bộ luật Dân sự của một số nước như Nhật Bản, Hà Lan, Nga, Trung Quốc…

Kết luận

Hợp đồng bị hủy bỏ là điều các bên giao kết hợp đồng thường không muốn hướng tới khi đàm phán và ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, hủy bỏ hợp đồng cũng là biện pháp xử lý khi có hành vi vi phạm hợp đồng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên tham gia hợp đồng. Vì vậy, pháp luật thực định của Việt Nam cũng như

[38] Bản so sánh Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa XII tại kỳ họp thứ 8.
[39] Điều 545 Bộ luật dân sự Nhật Bản: "… In the case set forth in the main clause of the preceding paragraph, if any monies are to be refunded, interest must accrue from the time of the receipt of those monies".
[40] Điều 81 Công ước Viên.

nhiều quốc gia trên thế giới và pháp luật quốc tế đều có sự quan tâm nhất định đến việc điều chỉnh hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng. Các nhà làm luật Việt Nam đã có những nỗ lực nhất định trong việc sửa đổi, bổ sung quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 nhằm tạo cơ sở chung điều chỉnh quan hệ dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Với quy định áp dụng tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lẽ công bằng[41] thì những băn khoăn, vướng mắc trong quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng sẽ được xử lý một cách triệt để.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Mạnh Bách, 1995, Pháp luật về hợp đồng, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Bản so sánh Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa 13 tại kỳ họp thứ 8.
3. Báo cáo tổng hợp chi tiết ý kiến nhân dân đối với dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp.
4. Bộ luật Dân sự của Pháp năm 1827.
5. Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005.
6. Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015.
7. Bộ luật Dân sự Hà Lan, chi tiết tại http://www.dutchcivillaw.com/civilcodebook066.htm, truy cập ngày 2/6/2016.
8. Bộ luật Dân sự của bang California, chi tiết tại (http://www.leginfo.ca.gov/.html/civ_table_of_contents.html), truy cập ngày 2/6/2016.
9. Bộ luật Dân sự Philippines, chi tiết tại http://www.chanrobles.com/civilcodeofthephilippinesfulltext.html, truy cập ngày 2/6/2016.
10. Bộ luật Dân sự của Nhật Bản, chi tiết tại http://www.japaneselawtranslation.go.jp/law/detail/?yo=%E6%B0%91%E6%B3%95&ft=2&ky=&page=3&re=02, truy cập ngày 2/6/2016.

[41] Điều 6 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "1. Trường hợp phát sinh quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự mà các bên không có thỏa thuận, pháp luật không có quy định và không có tập quán được áp dụng thì áp dụng quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự tương tự. 2. Trường hợp không thể áp dụng tương tự pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này thì áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này, án lệ, lẽ công bằng."

11. Bộ luật Dân sự của Nga, chi tiết tại http://www.russian-civil-code.com/ , truy cập ngày 2/6/2016.
12. Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.
13. Dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa 13 tại kỳ họp thứ 8.
14. Dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa 13 tại Kỳ họp thứ 9.
15. Dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) trình Quốc hội khóa 13 tại Kỳ họp thứ 10.
16. Đỗ Văn Đại, 2013, Luật Hợp đồng: bản án và bình luận bản án (tập 2), Nxb Chính trị Quốc gia.
17. Những nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế (PICC).
18. Những nguyên tắc luật hợp đồng Châu Âu (PECL).
19. Luật Thương mại Việt Nam năm 1997.
20. Luật Thương mại Việt Nam năm 2005.
21. Luật Hợp đồng Trung Quốc năm 1999.
22. Tờ trình số 390/TTr-CP ngày 12/10/2014 của Chính phủ về dự án Bộ luật Dân sự (sửa đổi).
23. Trường Đại học Luật Hà Nội, 2005, Từ điển giải thích từ ngữ luật học, Nxb CAND
24. Viện Ngôn ngữ học, 2006, Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, 2006.